

PHỤ LỤC I

MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN¹
(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục
và Đào tạo)

UBND PHƯỜNG PHÚ MỸ
TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2025

I. THÔNG TIN CHUNG²

- Trường Tiểu học Quang Trung,
- Địa chỉ: Khu phố Tân Hạnh, phường Phú Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh.
- Mail: binhnguyen12071974@gmail.com
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:
 - + Sứ mạng “Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao”.
 - + Tầm nhìn “Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại”.
 - + Giá trị cốt lõi: “Khẩu hiệu chính: “BH”: Bền chí chuyên tâm - Học hành chăm chỉ”
 - + Thang giá trị phấn đấu:

Giáo viên

Bền chí chuyên môn Biết việc, biết mình Ích nước, lợi dân Nhân ái, đoàn kết Học hành chuyên tâm Hợp tác, chia sẻ Ứng xử văn hóa Năng động, sáng tạo, gắng sức thi đua

Học sinh

- + Học hành hiệu quả Bảo vệ môi trường Im lặng, trật tự Nhân ái, chan hòa
- + Học hành chăm chỉ, hợp tác, chia sẻ ứng xử văn minh năng động, linh hoạt gần

bó, đoàn kết.

- Quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

+ Trường Tiểu học Quang Trung được tách ra từ Trường Tiểu học Phú Mỹ từ ngày 26 tháng 08 năm 1995.

+ Trường tiểu học Quang Trung là trường công lập trực thuộc UBND phường Phú Mỹ quản lý, được đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên; là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; thực hiện chương trình giáo dục tiểu học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên địa bàn phường Phú Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh..

- Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

- Nguyễn Thị Thanh Bình - Hiệu trưởng

Địa chỉ: Đường Tôn Thất Tùng, khu phố Tân Hạnh, phường Phú Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 0772269835

Mail: binhnguyen12071974@gmail.com

- Tổ chức bộ máy:

Đội ngũ viên chức của nhà trường gồm 66 người, trong đó: Quản lý: 02; nhân viên 03; Tổng phụ trách Đội: 01; giáo viên trực tiếp đứng lớp: 56; hợp đồng 111: 04, đảng viên: 33; có trình độ Đại học: 59, Cao đẳng: 3, trung cấp: 0, dưới trung cấp: 04. Đội ngũ viên chức nhiệt huyết, năng động, tâm huyết với nghề nghiệp, yêu mến HS, được CMHS và nhân dân địa phương tin yêu.

Chi bộ nhà trường có 33 đồng chí đảng viên, Công đoàn cơ sở có 66 công đoàn viên, Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 14 đoàn viên.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

- Đội ngũ viên chức của nhà trường gồm 62 người, trong đó: Quản lý: 02; nhân viên 03; Tổng phụ trách Đội: 01; giáo viên trực tiếp đứng lớp: 56;

- Trình độ : Đại học: 59, Cao đẳng: 3, trung cấp: 0, dưới trung cấp: 0

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng CDNN			Chuẩn nghề nghiệp		
			TS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình
I	Tổng số GV,CBQL,NV	62	0	59	3	0	0	0	38	21			
	Giáo viên	57	0	55	2						30	27	0
1	Trong đó GV chuyên biệt	0											
2	GVCN	43		43	0								
3	Tiếng dân tộc												
4	Ngoại ngữ	4		3	1								
5	Tin học	2		2									
6	Âm nhạc	2		1	1								
7	Mĩ thuật	2		2									
8	GDTC	1		1									
II	CBQL	2		2									
1	Hiệu trưởng	1		1							1	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1		1							1	0	0
III	Nhân viên	3		2	1								
1	Văn thư	1		1									
2	Kế toán	1		1									
3	Thủ quỹ	0											
4	Y tế	0											
5	Thư viện	1		0	1								
6	TB, thí nghiệm	0			0								
7	Nhân viên CNTT	0			0								
8	NV hỗ trợ khuyết tật	0			0								
9	Bảo vệ	2				2							
10	Phục vụ	2				2							

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp:

- Hiệu trưởng: Phòng Giáo dục đánh giá: Hoàn thành tốt nhiệm vụ
 - Tổng số GV và Phó hiệu trưởng: 31/58 Tốt. Tỷ lệ: 53,4 %; 27/58 Khá. Tỷ lệ: 46,6%
3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định:
- Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 59/59 (100%). Trong đó, BGH: 2; GV: 57.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

Tổng diện tích đất 11843 m². Trong đó có 43 phòng học; phòng chức năng bộ môn: 02 phòng tin học, 02 phòng Tiếng Anh, Khu hành chính có: 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng Phó hiệu trưởng, 01 phòng kế toán, 01 phòng đội, , 01 phòng y tế, 01 phòng tư vấn tâm lý, 01 phòng thư viện- thiết bị, 01 hội trường, 01 phòng bảo vệ; , 01 bếp và nhà ăn bán trú., 1 nhà Đa năng. Nhà vệ sinh: 4 phòng vệ sinh giáo viên, 16 phòng vệ sinh học sinh

Stt	Nội dung	Năm học 2024-2025	
		Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	43/43	1.02
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	43	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ, mượn		
III	Số điểm trường lẻ		
IV	Tổng diện tích đất (m²)	11843	6.14m ² /học sinh
V	Tổng diện tích các phòng	2160	1.12 m ² /học sinh
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	1.3m ² /học sinh
2	Diện tích thư viện (m ²)	32	0,7m ² /học sinh
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	48	1.06m ² /học sinh
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	48	1.06m ² /học sinh

6	Diện tích phòng học tin học (m^2)	48	1.06 m^2 /học sinh
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m^2)	32	0,7 m^2 /học sinh
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m^2)		
VI	Tổng diện tích các phòng	2160	1.12 m^2 /học sinh
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	1280	
	Khối lớp 1	290	32 bộ/ lớp
	Khối lớp 2	295	33 bộ/ lớp
	Khối lớp 3	240	30 bộ/ lớp
	Khối lớp 4	205	34 bộ/ lớp
	Khối lớp 5	250	33 bộ/ lớp
	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	648	16 bộ/41 lớp
	Khối lớp 1	86	10 bộ/ lớp
	Khối lớp 2	97	11 bộ/ lớp
	Khối lớp 3	141	18 bộ/ lớp
	Khối lớp 4	183	23 bộ/ lớp
	Khối lớp 5	141	17 bộ/ lớp
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	86	1 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	18	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	18	

2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác...(loa tay)	5	
6.			
X	Nhà bếp	100	
XI	Nhà ăn	350	
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	4/350	
XIII	Khu nội trú		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4	0		0	0.06m2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	14	0	0

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường		X
XIX	Tường rào xây	X	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục năm 2024

	Tiêu chuẩn 1	Tiêu chuẩn 2	Tiêu chuẩn 3	Tiêu chuẩn 4	Tiêu chuẩn 5
Mức 1	10/10	4/4	6/6	2/2	5/5
Mức 2	10/10	4/4	6/6	2/2	5/5
Mức 3	4/10	4/4	5/6	2/2	4/4

Trường đạt **Mức 1**

- Trường đã hoàn thành hồ sơ đánh giá ngoài chờ đoàn kiểm tra về thẩm định đánh giá.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

- Kết quả tuyển sinh năm học 2024-2025 : 376 (100%)

+ Khối 1: 376

+ Khối 2: 390

+ Khối 3: 378

+ Khối 4: 383

+ Khối 5: 391

Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; 774 em

Số lượng học sinh nam/học sinh nữ, 1918/972

Học sinh là người dân tộc thiểu số: 29

Số lượng học sinh chuyển trường: chuyển đi 43 em; và tiếp nhận học sinh học chuyển đến tại trường: 65 em

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo;

Thống kê số lượng học sinh được lên lớp: 1901/1918 em (99,11%); học sinh không được lên lớp: 17/1918em (0,89%). Cụ thể như sau:

+ Khối 1: 365/376(97,1%)

+ Khối 2: 386/390 (98,9%)

+ Khối 3: 377/378 (99,7 %)

+ Khối 4: 382/383 (99,7%)

+ Khối 5: 391/391 (100%)

*Học sinh khen thưởng:

- Danh hiệu xuất sắc (khối 1,2,3,4,5): 864 em Đạt danh hiệu “Học sinh xuất sắc”.
- Danh hiệu HS tiêu biểu (khối 1,2,3,4,5) : 288 em Đạt danh hiệu “Học sinh Tiêu biểu”.
- Danh hiệu đội viên xuất sắc: 49 em đội viên đạt thành tích Đội viên xuất sắc.
- Lớp đạt danh hiệu xuất sắc: 5 lớp

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: 391/391 tỉ lệ 100%

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

1. Tiếng Anh:

- Trường có 4 giáo viên biên chế, trình độ Đại học: 03 GV, Cao đẳng: 01GV

- Trường hợp 01 giáo viên dạy kỹ năng nghe nói cho học sinh theo NQ 123 của HĐND tỉnh.

2. Dạy Stem:

- Mỗi GV thực hiện 2 tiết Stem/ năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Thanh Bình

